

CHÍNH PHỦ

Số: **40** /2008/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2008

NGHỊ ĐỊNH
Về sản xuất, kinh doanh rượu

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về sản xuất, kinh doanh rượu và cồn rượu bao gồm: đầu tư, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất, kinh doanh rượu và cồn rượu.

Rượu và cồn rượu trong Nghị định này được gọi chung là rượu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh rượu, cồn rượu và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất, kinh doanh rượu và cồn rượu trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Rượu” là đồ uống chứa cồn rượu. Rượu được sản xuất từ quá trình lên men, có hoặc không chưng cất từ tinh bột của các loại ngũ cốc, dịch đường của các loại cây và hoa quả.

2. “Cồn rượu” là cồn để sản xuất, pha chế rượu, có tên khoa học là Etanol, công thức hoá học là C_2H_5OH .

3. “Sản xuất rượu thủ công” là hoạt động sản xuất rượu bằng thiết bị đơn giản, quy mô nhỏ do tổ chức, hộ gia đình hoặc cá nhân thực hiện.

4. “Rượu thuốc” là rượu được pha chế với dược liệu. Dược liệu là thuốc được sản xuất từ nguyên liệu có nguồn gốc tự nhiên từ động vật, thực vật hoặc khoáng chất.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý sản xuất, kinh doanh rượu

1. Rượu thuộc nhóm hàng hoá nhà nước hạn chế kinh doanh. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh rượu (bán buôn, bán lẻ) phải có giấy phép, trừ trường hợp sản xuất rượu thủ công tự tiêu dùng. Mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh rượu đều phải tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Nhà nước thống nhất quản lý đối với hoạt động đầu tư, sản xuất, xuất nhập khẩu, phân phối, ghi nhãn mác, quảng cáo, chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường, phòng, chống cháy nổ trong sản xuất, kinh doanh rượu và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất, kinh doanh rượu.

3. Nhà nước hạn chế sản xuất rượu thủ công tự tiêu dùng.

4. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh rượu thuộc ngoài việc thực hiện các quy định của Nghị định này phải thực hiện các quy định khác liên quan của Bộ Y tế.

Điều 5. Quy hoạch sản xuất rượu

1. Quy hoạch sản xuất rượu là quy hoạch ngành nằm trong Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát, được lập cho giai đoạn 10 năm và xét đến 10 năm tiếp theo.

2. Bộ Công Thương chủ trì tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát, trong đó có Quy hoạch sản xuất rượu trên phạm vi cả nước.

3. Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát đã được Bộ Công Thương phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát trên địa bàn, trong đó có Quy hoạch sản xuất rượu và làng nghề sản xuất rượu.

4. Việc lập, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý quy hoạch.

Điều 6. Công nhận làng nghề sản xuất rượu

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận làng nghề sản xuất rượu trên địa bàn theo các quy định hiện hành về công nhận làng nghề, đảm bảo các điều kiện sau:

1. Làng nghề sản xuất rượu nằm trong Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát trên địa bàn.
2. Làng nghề phải xây dựng và áp dụng quy trình sản xuất chung đối với rượu mang thương hiệu làng nghề.
3. Sản phẩm rượu đảm bảo các điều kiện về tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, nhãn mác hàng hóa áp dụng cho mọi thành viên hoạt động sản xuất rượu trong khu vực làng nghề.
4. Đáp ứng tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ áp dụng cho mọi thành viên hoạt động sản xuất rượu trong khu vực làng nghề.
5. Các làng nghề sản xuất rượu đã được công nhận phải thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều này trong vòng 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.
6. Các làng nghề sản xuất rượu được công nhận có trách nhiệm xây dựng, bảo tồn và phát triển thương hiệu làng nghề.

Chương II SẢN XUẤT RƯỢU

Điều 7. Đầu tư sản xuất rượu

1. Đầu tư sản xuất rượu phải phù hợp với Quy hoạch đã được phê duyệt. Các dự án đầu tư chưa có trong Quy hoạch phải có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Quy hoạch.
2. Chủ đầu tư dự án sản xuất rượu có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ và các quy định pháp luật khác liên quan.

Điều 8. Điều kiện cấp Giấy phép sản xuất rượu

Điều kiện cấp Giấy phép sản xuất rượu bao gồm:

1. Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh sản xuất rượu.
2. Sản xuất rượu phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát được phê duyệt.

3. Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm rượu đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

4. Đảm bảo các điều kiện quy định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

5. Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp nhãn hiệu sản phẩm rượu tại Việt Nam.

6. Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.

7. Người tham gia trực tiếp sản xuất rượu phải đảm bảo sức khỏe, không mắc bệnh truyền nhiễm.

Điều 9. Giấy phép sản xuất rượu

1. Bộ Công Thương hướng dẫn cụ thể thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu.

2. Doanh nghiệp chỉ được quyền hoạt động sản xuất, kinh doanh kể từ ngày được cấp Giấy phép.

Điều 10. Thu hồi Giấy phép sản xuất rượu

1. Giấy phép sản xuất rượu bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Do doanh nghiệp đề nghị;

b) Doanh nghiệp bị giải thể, phá sản theo Luật Doanh nghiệp;

c) Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

d) Doanh nghiệp không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định này;

đ) Doanh nghiệp không triển khai hoạt động sau 06 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép sản xuất mà không có lý do chính đáng được cấp có thẩm quyền xác nhận;

e) Khi phát hiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bị cố ý làm sai lệch.

2. Sau thời hạn tối thiểu 03 tháng, kể từ khi bị thu hồi Giấy phép sản xuất rượu, nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 8 Nghị định này thì doanh nghiệp có thể đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu, thủ tục cấp lại thực hiện như cấp mới.

Điều 11. Tiêu chuẩn chất lượng rượu

1. Rượu là sản phẩm hàng hóa bắt buộc phải công bố tiêu chuẩn chất lượng.
2. Trình tự, thủ tục xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.
3. Khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế về rượu.
4. Tổ chức, cá nhân đại diện làng nghề sản xuất rượu phải công bố tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng rượu của làng nghề.
5. Tiêu chuẩn chất lượng của rượu xuất khẩu thực hiện theo quy định của nước nhập khẩu.

Điều 12. Nhãn sản phẩm rượu

1. Sản phẩm rượu chỉ được tiêu thụ tại Việt Nam khi có nhãn hàng hoá đã được đăng ký.
2. Sản phẩm rượu tiêu thụ tại Việt Nam phải thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa thực phẩm.
3. Đối với rượu sản xuất để xuất khẩu thì thực hiện ghi nhãn theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

Điều 13. Tem rượu sản xuất trong nước và rượu nhập khẩu

1. Sản phẩm rượu nhập khẩu để tiêu thụ tại Việt Nam phải được dán tem nhập khẩu trên bao bì theo quy định của Bộ Tài chính.
2. Bộ Tài chính quy định việc in, ban hành tem và quản lý sử dụng tem sản phẩm rượu nhập khẩu.
3. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương nghiên cứu xây dựng lộ trình dán tem rượu sản xuất trong nước trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.
4. Sản phẩm rượu sản xuất để xuất khẩu, chào hàng, triển lãm ở nước ngoài thực hiện dán tem theo quy định của nước nhập khẩu.

Điều 14. Trách nhiệm cung cấp thông tin về sản phẩm rượu

1. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh rượu có trách nhiệm cung cấp thông tin về sản phẩm rượu của mình theo yêu cầu của các cơ quan chức năng và trên phương tiện thông tin đại chúng. Thông tin về sản phẩm rượu phải nêu rõ thành phần, hàm lượng, tác hại của việc lạm dụng rượu.

2. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể trách nhiệm cung cấp thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng đối với sản phẩm rượu.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp sản xuất rượu

Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp sản xuất rượu còn có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đào tạo nhân viên về an toàn phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

2. Tuân thủ chặt chẽ các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, nhãn hiệu hàng hóa.

3. Thực hiện trách nhiệm cung cấp thông tin về sản phẩm rượu theo đúng hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định pháp luật.

5. Tổ chức việc kiểm tra sức khoẻ định kỳ 12 tháng 1 lần cho nhân viên trực tiếp sản xuất rượu, đảm bảo không mắc bệnh truyền nhiễm.

6. Được tổ chức hệ thống phân phối theo đúng quy định mà không phải đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn, bán lẻ.

Điều 16. Sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

1. Khuyến khích tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công tham gia làng nghề sản xuất rượu nếu thuộc địa phận có làng nghề.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh phải đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu theo quy định về đăng ký kinh doanh.

3. Trước ngày 01 tháng 01 năm 2010, tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh phải đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công.

4. Điều kiện cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công:

a) Có đăng ký kinh doanh ngành, nghề sản xuất rượu thủ công;

b) Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của Nghị định này.

5. Bộ Công Thương hướng dẫn cụ thể thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp và thu hồi Giấy phép sản xuất rượu thủ công.

6. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Được tham gia hiệp hội làng nghề sản xuất rượu nếu thuộc địa phận có làng nghề;

b) Phải đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều này và đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công theo quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, nhãn hàng hoá sản phẩm rượu theo quy định của Nghị định này.

Điều 17. Sản xuất rượu thủ công tự tiêu dùng

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích tự tiêu dùng không được bán trên thị trường.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công tự tiêu dùng chịu trách nhiệm thực hiện quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất rượu, về tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm sản phẩm rượu do mình sản xuất.

Chương III KINH DOANH RƯỢU

Điều 18. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh rượu

1. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn hoặc đại lý bán buôn rượu bao gồm:

a) Thương nhân là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật và có đăng ký kinh doanh hoạt động mua bán rượu;

b) Có địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, trang thiết bị do Bộ Công Thương quy định;

c) Có kho dự trữ hàng, đáp ứng các yêu cầu về bảo quản chất lượng rượu, bảo vệ môi trường và phòng, chống cháy, nổ;

d) Có hệ thống phân phối.

2. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ hoặc đại lý bán lẻ rượu bao gồm:

a) Thương nhân có đăng ký kinh doanh hoạt động mua bán rượu;

b) Cơ sở kinh doanh phải đáp ứng các yêu cầu về bảo quản chất lượng rượu và phòng, chống cháy, nổ.

Điều 19. Giấy phép kinh doanh rượu

1. Bộ Công Thương hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn, đại lý bán buôn, Giấy phép kinh doanh bán lẻ, đại lý bán lẻ rượu.

2. Thương nhân chỉ được quyền hoạt động kinh doanh rượu kể từ ngày được cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn, đại lý bán buôn hoặc Giấy phép kinh doanh bán lẻ, đại lý bán lẻ rượu.

3. Thương nhân có Giấy phép sản xuất rượu được tổ chức hệ thống phân phối sản phẩm của mình sản xuất mà không phải đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn, bán lẻ rượu.

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân kinh doanh rượu

Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, thương nhân kinh doanh rượu có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Mua rượu có nguồn gốc hợp pháp.

2. Tổ chức lưu thông, tiêu thụ rượu trên thị trường theo Giấy phép kinh doanh rượu được cấp.

3. Chỉ được bán buôn rượu cho các thương nhân có Giấy phép kinh doanh rượu.

4. Tổ chức các cửa hàng bán lẻ cho người tiêu dùng. Không được bán rượu cho người dưới 18 tuổi.

5. Phải niêm yết bản sao hợp lệ Giấy phép kinh doanh rượu và chủng loại, giá cả các loại rượu đang có bán tại tất cả các địa điểm kinh doanh của thương nhân.

6. Chấp hành chế độ hoá đơn chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo định kỳ tình hình kinh doanh cho cơ quan quản lý nhà nước đã cấp Giấy phép kinh doanh rượu cho thương nhân theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 21. Nhập khẩu rượu

1. Rượu nhập khẩu bao gồm rượu thành phẩm đóng chai, hộp, thùng... để tiêu thụ ngay và rượu dưới dạng nước cốt và phụ liệu dùng để pha chế thành rượu thành phẩm tại Việt Nam.

2. Rượu nhập khẩu phải có chứng từ nhập khẩu hợp pháp theo quy định hiện hành và dán tem rượu nhập khẩu do Bộ Tài chính phát hành.

3. Rượu nhập khẩu phải ghi nhãn hàng hoá theo quy định của pháp luật.

4. Doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu hoặc Giấy phép kinh doanh bán buôn rượu mới được nhập khẩu trực tiếp, uỷ thác nhập khẩu rượu và phải chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm của sản phẩm.

5. Đối với sản phẩm rượu lần đầu tiên nhập khẩu vào Việt Nam, trước khi làm thủ tục nhập khẩu, nhà nhập khẩu phải có giấy xác nhận đã kiểm tra mẫu đạt yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Thương nhân nhập khẩu rượu ở dạng nước cốt rượu và phụ liệu dùng để pha chế thành rượu thành phẩm chỉ được bán cho các doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu.

7. Rượu chỉ được nhập khẩu vào Việt Nam qua các cửa khẩu quốc tế.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của thương nhân nhập khẩu rượu

Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, thương nhân nhập khẩu rượu có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Tổ chức hệ thống phân phối rượu do mình trực tiếp nhập khẩu hoặc bán cho thương nhân có Giấy phép kinh doanh bán buôn, đại lý bán buôn rượu.

2. Báo cáo tổng hợp tình hình nhập khẩu, phân phối và tiêu thụ rượu theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.

Điều 23. Phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại

1. Rượu giả, rượu nhái, rượu lậu, rượu không đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định đều bị tịch thu để tiêu hủy.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh rượu, có nghĩa vụ tham gia phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong công tác phòng, chống buôn lậu rượu và gian lận thương mại.

Chương IV **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động sản xuất, kinh doanh rượu.

2. Phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương kiểm soát, quản lý việc sản xuất, kinh doanh rượu thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát.

3. Thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước đối với ngành rượu trong đầu tư xây dựng theo các quy định của pháp luật và của Nghị định này.

4. Hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, quy định thủ tục đăng ký tiêu chuẩn cơ sở.

5. Tổ chức quản lý chuyên ngành chất lượng sản phẩm rượu và vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn công nghiệp.

6. Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất rượu thủ công, Giấy phép kinh doanh bán buôn, đại lý bán buôn, Giấy phép bán lẻ, đại lý bán lẻ rượu.

7. Thanh tra, kiểm tra, các cơ sở sản xuất rượu về việc chấp hành Quy hoạch sản xuất rượu, chất lượng sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường; giải quyết các khiếu nại, tố cáo và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh mặt hàng rượu.

8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tổ chức kiểm tra, phát hiện và xử lý đối với các vi phạm về kinh doanh rượu khác.

9. Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước tổ chức tịch thu, tiêu huỷ đối với sản phẩm rượu nhập lậu, rượu giả, rượu nhái, rượu kém phẩm chất, hết thời hạn sử dụng hoặc các sản phẩm rượu mang nhãn hiệu hàng hoá không được bảo hộ tại Việt Nam, không ghi nhãn bao bì, không dán tem theo quy định.

10. Phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện Nghị định này.

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành liên quan quy định việc dán tem, in, ban hành tem và quản lý sử dụng tem rượu nhập khẩu. Nghiên cứu xây dựng lộ trình dán tem rượu sản xuất trong nước.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Soạn thảo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng, chống tác hại của lạm dụng rượu.
2. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng, chống tác hại của lạm dụng rượu.
3. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát hiện, kiểm tra xử lý các cơ sở sản xuất rượu giả, rượu lậu, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
4. Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy xác nhận đạt yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm đối với mặt hàng rượu cho các tổ chức, cá nhân.
5. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng, ban hành các quy định về quản lý sản xuất và kinh doanh rượu thuốc.

Điều 27. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi quyền hạn của mình và theo sự phân công của Chính phủ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh rượu, tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện Nghị định sản xuất, kinh doanh rượu.

Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành rượu trên địa bàn thuộc địa phương. Chịu trách nhiệm quản lý và giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của địa phương.
2. Chỉ đạo các cơ sở sản xuất-rượu của địa phương thực hiện theo đúng Quy hoạch, bảo đảm đúng mục tiêu và định hướng phát triển đã đề ra.
3. Lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát trên địa bàn, trong đó có Quy hoạch sản xuất rượu, làng nghề sản xuất rượu; thẩm định, quyết định công nhận làng nghề sản xuất rượu.
4. Kiểm tra việc sản xuất, lưu thông, tiêu thụ rượu trên địa bàn.

5. Giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm, nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, an toàn lao động, môi trường trong các doanh nghiệp sản xuất rượu và xử lý những vi phạm theo quy định của pháp luật trên địa bàn.

6. Tổ chức thực hiện và tuyên truyền, giáo dục nhân dân trong việc thực hiện sản xuất rượu thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Bia - Rượu - Nước giải khát và quy định của Nghị định này.

7. Tuyên truyền, giáo dục để nhân dân nâng cao nhận thức về nguy cơ, tác hại của việc lạm dụng rượu và sử dụng rượu với hàm lượng các thành phần độc tố cao, dần dần thay thế bằng các loại rượu chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

8. Chỉ đạo chính quyền địa phương các cấp làm rõ nguyên nhân khi xảy ra ngộ độc rượu trên địa bàn, có các biện pháp xử lý theo thẩm quyền.

Chương V

VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh rượu

1. Sản xuất, kinh doanh rượu không có Giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

2. Sản xuất, mua bán, tiêu thụ sản phẩm rượu nhập lậu, rượu giả, rượu nhái nhãn mác, kiểu dáng, không đảm bảo chất lượng theo các quy định của pháp luật.

3. Lưu thông, tiêu thụ các sản phẩm không ghi nhãn bao bì, không đăng ký chất lượng sản phẩm, rượu nhập khẩu không dán tem theo quy định của pháp luật.

4. Kinh doanh rượu không đúng địa điểm, nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh rượu được cấp.

5. Giả mạo, tẩy xoá, sửa chữa, chò thùê, cho mượn, chuyển nhượng, mua bán Giấy phép sản xuất, kinh doanh rượu.

6. Kinh doanh rượu tại các địa điểm cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật.

7. Bán lẻ rượu bằng máy bán hàng tự động.

8. Bán rượu cho người dưới 18 tuổi.

9. Quảng cáo, khuyến mại rượu trái quy định của pháp luật.

10. Tài trợ các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao, vui chơi giải trí, các hoạt động chăm sóc sức khỏe và các hoạt động xã hội khác có gắn với việc quảng cáo các sản phẩm rượu.

11. Dùng rượu làm giải thưởng cho các cuộc thi, trừ các cuộc thi về rượu.

12. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh rượu không báo cáo hoặc báo cáo không đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

13. Các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh rượu tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tổ chức, cá nhân đang sản xuất rượu công nghiệp phải làm thủ tục đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu; tổ chức, cá nhân đang sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh phải làm thủ tục đăng ký kinh doanh ngành nghề sản xuất rượu thủ công theo quy định của Nghị định này.

2. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tổ chức, cá nhân đang kinh doanh bán buôn, đại lý bán buôn, kinh doanh bán lẻ, đại lý bán lẻ rượu phải làm thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn, đại lý bán buôn hoặc Giấy phép bán lẻ, đại lý bán lẻ rượu theo quy định của Nghị định này.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo; bãi bỏ các quy định trước đây trái Nghị định này.

Điều 33. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành

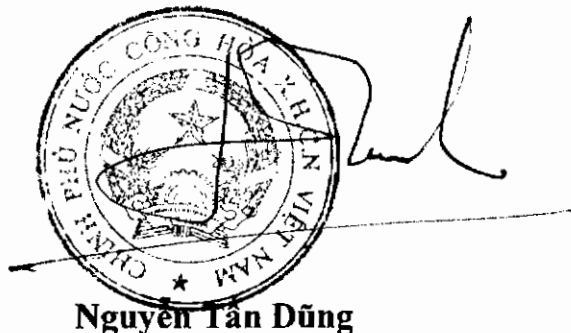
1. Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Website Chính phủ, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, CN (5b). **310**

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



The image shows the official seal of the Prime Minister of Vietnam, which is circular and contains the text 'CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI VIỆT NAM' around the perimeter and a central emblem. Overlaid on the seal is a handwritten signature in black ink.

Nguyễn Tân Dũng